TÒA ÁN NHÂN DÂN **C - Đ** **TỈNH Đ** Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST Ngày 31/12/2025 V/v tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN C - Đ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hồng H
2. Ông Nguyễn Phú R
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Hoàng S , Thư ký Tòa án nhân dân C - Đ .

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân C - Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 141/2025/TLST-DS, ngày 27/10/2025, về "Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Mộng L (Q), sinh ngày 14/12/1981
Căn cước công dân số 087181000717, ngày 25/3/2021.
Địa chỉ: tổ 9, khóm 15, phường M, tỉnh Đ .
- *Bị đơn:* Trần Thanh T, sinh ngày 20/6/1981
Căn cước công dân số 087083013592, không có thông tin ngày tháng năm.
Địa chỉ: Tổ 9, khóm 15, phường M, tỉnh Đ .

Bà Lê Thị Mộng L có mặt; Ông Trần Thanh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Lê Thị Mộng L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mộng L và ông Trần Thanh T đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh tỉnh Đ nay là phường M, tỉnh Đ . Vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay đã 10 năm, do ông T ăn chơi gây nợ nần nhiều, không thay đổi. Thời gian xa nhau vợ chồng không hàn gắn tình cảm do ông T đã có người mới và sống như vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Con chung Trần Thị Hồng A, sinh ngày 03/6/2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ông Trần Thanh T:* Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

Tại phiên toà, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do ông Trần Thanh T vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Mộng L tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân C - Đ được thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, Tòa án nhân dân C - Đ tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mộng L và ông Trần Thanh T đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh tỉnh Đ nay là phường M, tỉnh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, thời gian xa nhau vợ chồng không hàn gắn tình cảm.

Đối với ông Trần Thanh T: Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông Trần Thanh T không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử. Thể hiện ông Trần Thanh T không muốn đoàn tụ vợ chồng, không phản đối yêu cầu ly hôn của bà L. Bà Lê Thị Mộng L yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T phù hợp theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Con chung Trần Thị Hồng A, sinh ngày 03/6/2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông Trần Thanh T không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Mộng L trình bày không có. Ông Trần Thanh T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Mộng L phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mộng L ly hôn với ông Trần Thanh T *(theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh tỉnh Đ nay là phường M, tỉnh Đ).*

Về con chung: Con chung Trần Thị Hồng A, sinh ngày 03/6/2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông Trần Thanh T không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Mộng L trình bày không có. Ông Trần Thanh T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị Mộng L phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tiền án phí trừ váo tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số 005555, ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ .

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".